

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2022

### THƯ MỜI BÁO GIÁ

#### Hóa chất sinh phẩm vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống dịch bệnh năm 2022 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có kế hoạch về việc mua sắm hóa chất sinh phẩm vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống dịch bệnh;

Ngày 15/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành thư mời báo giá số 4523/PAS-KHTH

Đến hết ngày 23/11/2022, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa nhận đủ báo giá để làm cơ sở xây dựng giá dự toán, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh mời các đơn vị quan tâm tiếp tục tham gia chào giá cho các nội dung như sau:

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	1N NaOH	pH > 12.5, molecular biology-grade	Bộ	Bộ	1
2	Agencourt AMPure XP	Tinh sản sản phẩm khuếch đại dựa trên cơ chế hoạt động của hạt từ tính SPRI loại bỏ các chất gây ô nhiễm (dNTPs, muối, mồi dư,...). Mẫu đầu vào: DNA	Bộ	Bộ	1
3	Albumin thu nhận từ bovine serum	Albumin Bovin dạng bột, Fraction V,	Hộp 1kg	Hộp	1
4	Amphotericin B	Nồng độ: 0,25 – 2,5 µg/mL Loại sinh phẩm: Kháng nấm Đã được xử lý vô trùng Trạng thái: Lỏng Có tác dụng ngăn chặn nhiễm trong nuôi cấy tế bào	50 mL/ Chai	Chai	1
5	Aniosyme DD1	Ngâm dụng cụ, có hoạt tính enzym	Chai	Chai	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
6	Kit giải trình tự DNA dùng cho máy ABI 3130XL	Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>• 1 × 800µl tube of BigDye® Terminator v3.1 Ready Reaction Mix</li> <li>• 1 tube M13 (-21) Primer</li> <li>• 1 tube pGEM Control DNA</li> <li>• 2 × 1 ml tubes of 5X Sequencing Buffer</li> </ul>	Hộp/100 test	Hộp	4
7	Bình nhựa 1 lít	Bình nhựa trắng 1 lít dùng 1 lần	Cái	Cái	100
8	Bình nhựa 2 lít	Bình nhựa trắng 2 lít dùng 1 lần	Cái	Cái	100
9	Bình tam giác chịu nhiệt 250ml	Bình tam giác - 250ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	Cái	Cái	1
10	Bình tam giác chịu nhiệt 125 ml	Bình tam giác - 125ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	Cái	Cái	1
11	Bình tam giác chịu nhiệt 500 ml	Bình tam giác - 500ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	Cái	Cái	1
12	Bình tia	Nhựa dẻo	Cái	Cái	2
13	Bình xịt cồn	Bình xịt cồn	Cái	Cái	5
14	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ gồm 4 chai (mỗi chai 250ml) - 1 chai Crystal violet (250ml) - 1 chai Safranin (250ml) - 1 chai lugol (250ml) - 1 chai nước tẩy màu (250ml) • Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Bộ gồm 4 hộp x 250 mL	Bộ	2
15	Bơm kim tiêm 5ml/1cc	Được làm từ vật liệu nhựa PP dùng trong y tế theo chuẩn quốc tế. Kích cỡ kim 23Gx1".	Hộp (100c)	Hộp	2

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Chất liệu làm kim thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị ôxi hóa			
16	Bordet Gengou	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn ho gà Potato infusion 4.50g Sodium Chloride 5.50g Agar 20.00g Final pH of the ready to use medium: 6.7 +/- 0.2 at 25°C	Hộp/500g	Hộp	1
17	Bột kẽm	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần: Zinc dust	Hộp/2x10g	Hộp	1
18	Catalase	Mỗi gói chứa chai nhỏ giọt 1 ml và 1 tờ hướng dẫn. Dung dịch hydrogen peroxide (3%).	Bộ	Bộ	1
19	Chai nuôi cấy tế bào 75cm <sup>2</sup> có lọc	Diện tích nuôi cấy: 75cm <sup>2</sup> Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng Thân chai được thiết kế phân vai tròn tiện cho việc thu hoạch tế bào. Vật liệu: Thân chai làm bằng Polystyrene, nắp làm bằng High Density Polyethylene Bề mặt nuôi cấy được xử lý, dễ dàng bám dính, hình chữ nhật, vent cap, cổ vech (canted) giúp cho dễ dàng trong thao tác cấy. Thể tích chứa tốt nhất từ 15-22.5 ml Thể tích chứa tối đa: 45ml Đã khử trùng, không chứa nội độc tố gây sốt. Tiệt trùng bằng phóng xạ gamma và được chứng nhận nonpyrogenic Sản phẩm nuôi cấy tế bào được làm từ vật liệu USP class VI	Thùng 100 cái	Thùng	1
20	Chai nuôi cấy tế bào không lọc 25 cm <sup>2</sup>	Hình dạng chai: Hình chữ nhật Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt bằng TC Phạm vi chia độ: 5-30 mL Diện tích bề mặt: 25 cm <sup>2</sup> Thể tích nuôi: 5-7,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Kiểu nắp con dấu, có ron Đường kính nắp 20 mm Chất liệu nắp Polyethylene mật độ cao Độ bám của tế bào lên bề mặt nuôi tốt	500 chai/thùng	Thùng	1
21	Chất nhuộm DNA	Nồng độ 20.000x	lọ 1 ml	lọ	3

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
22	Chủng vi khuẩn chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủng chuẩn có dạng đông khô.</li> <li>• Đòi thể hệ F1-F3</li> <li>• Có lý lịch nguồn gốc được xác nhận bởi tổ chức có uy tín</li> </ul>	Bộ	Bộ	4
23	Cloroform		2.5lit/ chai	chai	1
24	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	<p>Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.- Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul>	Cái	Cái	1
25	Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml	<p>Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.- Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul>	Cái	Cái	1
26	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	<p>Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.- Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul>	Cái	Cái	1
27	Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml	<p>Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thang chia vạch dễ đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao.- Cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra</li> <li>- Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao</li> </ul>	Cái	Cái	1
28	Cồn 70	<p>Cồn dùng trong lĩnh vực y tế</p> <p>Ethanol 70%</p> <p>Diệt khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Mycobacterium tuberculosis và nấm Candida albicans sau thời gian tiếp xúc 2 phút.</p> <p>Diệt khuẩn dụng cụ y tế, bề mặt trong y tế.</p>	Lít	Lít	115

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
29	Cồn 90	Cồn 90	Lít	Lít	120
30	Cryobank	Cryobank dùng để bảo quản vi sinh vật ở nhiệt độ thấp. Mỗi lọ bao gồm 20 hạt thủy tinh. - Đóng gói: Hộp/80 ống - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	Hộp/80 ống	Hộp	4
31	Đầu côn 0.5-10 $\mu$ L không lọc	Đầu tít trắng 10ul không lọc được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào. - Không chứa kim loại nặng. - Thích ứng với nhiều loại pipette. - Trên các tít có những vạch chia độ. - Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu. - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường. - Đóng gói: 1000 tít/gói - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE	1000 tít/gói	Gói	16
32	Đầu côn 50-1250 ul	Đầu tít 1000ul loại dài, hút được tối đa 1250ul được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ; - Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào. - Không chứa kim loại nặng. - Thích ứng với nhiều loại pipette. - Trên các tít có những vạch chia độ. Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu. - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường. - Đóng gói: 1000 tít/gói - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE	1000 tít/gói	Gói	3
33	Đầu côn có lọc 10 $\mu$ l	Biên độ thể tích: 0,2-10 $\mu$ L Có đầu lọc Chỉ sử dụng 1 lần Chiều dài của đầu côn: > 3,3 cm Màu sáng: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA,	96 cái/hộp	Hộp	372

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		RNA, DNase, RNase Đề trong hộp có giá đỡ Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng			
34	Đầu côn có lọc 100 ul	Biên độ thể tích: 1-100 $\mu$ L Có các vạch chia 10, 50, 100 Có đầu lọc Chỉ sử dụng 1 lần Màu sáng: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase Đề trong hộp có giá đỡ Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn Chiều dài của đầu côn: > 5 cm Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng	96 cái/ hộp, 10 hộp/thùng	Hộp	60
35	Đầu côn có lọc 1000 ul	Biên độ thể tích: 100-1000 $\mu$ L Có các vạch chia 250, 200, 1000 Có đầu lọc Chỉ sử dụng 1 lần Màu sáng: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase Đề trong hộp có giá đỡ Chiều dài của đầu côn: > 7,2 cm Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng	96 cái/ hộp	Hộp	383
36	Đầu côn có lọc 20 $\mu$ l - filter tip	Đầu côn có lọc 20 ul Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng Dung tích hút: 1-20 $\mu$ l Vật liệu: Polypropylene, không nhiễm Dnase và Rnase. Dùng tương ứng với hầu hết các loại Pipetman Dùng cho PCR, tách chiết RNA, định type vi khuẩn Lọc của đầu tip được bao bọc bằng sợi tơ không thấm nước tránh nhiễm trong thao tác	96 cái/ hộp	Hộp	320

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		hút. Tránh lây nhiễm chéo, ví dụ như khuếch đại DNA và đồng vị phóng xạ.			
37	Đầu côn có lọc 200 ul	<p>Biên độ thể tích: 1-200 <math>\mu</math>L            Có các vạch chia 10, 50, 100            Có đầu lọc            Chỉ sử dụng 1 lần            Màu sắc: Trong suốt            Đã được xử lý vô trùng. Không nhiễm DNA, RNA, DNase, RNase            Để trong hộp có giá đỡ            Dung dịch khi bơm hút không dính lại trên đầu côn            Chiều dài của đầu côn: &gt; 5 cm            Phù hợp với nhiều loại micropipet với thể tích tương ứng</p>	96 cái/ hộp	Hộp	372
38	Đầu côn có lọc 30-50 $\mu$ l- filter tip	<p>Tip lọc 30-50ul, đóng gói 96 tip/hộp, 10 hộp/thùng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lọc PE được phát triển đặc biệt để ứng dụng trong khi hút, ngăn chặn sol khí và tạp nhiễm xâm nhập vào pipette và do đó giảm nguy cơ nhiễm chéo.</li> <li>• Tính thấm thấu được kiểm soát bằng sự kết hợp chiều dài lọc và kích thước lỗ lọc.</li> <li>• Không chứa phụ gia hóa học</li> </ul> <p>Không bám dính hóa chất khi hút, đầu hút nhọn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thích hợp dùng trong PCR và nghiên cứu vi sinh</li> <li>• Không chứa DNase, Rnase, DNA người pyrogen &amp; chất ức chế PCR</li> </ul>	96 cái/ hộp	Hộp	40
39	Đầu côn trắng 200 $\mu$ l không lọc	<p>Đầu tip trắng 200ul, không lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.</li> <li>- Không chứa kim loại nặng.</li> <li>- Thích ứng với nhiều loại pipette.</li> <li>- Trên các tip có những vạch chia độ.</li> <li>- Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu.</li> <li>- Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE</li> </ul>	1000 tip/gói	Gói	12

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
40	Đầu côn vàng 10-200 µL, không lọc có khóa	<p>Đầu tip vàng 200ul không lọc được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.</li> <li>- Không chứa kim loại nặng.</li> <li>- Thích ứng với nhiều loại pipette.</li> <li>- Trên các tip có những vạch chia độ.</li> <li>- Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu</li> </ul> <p>Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng gói: 1000 tip/gói</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE</li> </ul>	1000 cái/gói	Cái	27000
41	Đầu côn xanh 1000 µl không lọc	<p>Đầu côn xanh 1000ul không lọc được sản xuất từ polypropylene tinh khiết với chứng nhận FDA Hoa Kỳ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào.</li> <li>- Không chứa kim loại nặng.</li> <li>- Thích ứng với nhiều loại pipette.</li> <li>- Trên các tip có những vạch chia độ.</li> <li>- Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu.</li> <li>- Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.</li> <li>- Đóng gói: 1000 tip/gói</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE</li> </ul>	1000 tip/gói	Gói	27
42	Đèn cồn	Đèn cồn phòng thí nghiệm	Cái	Cái	5
43	Đĩa 96 giếng cho máy giải trình tự ABI (MicroAmp Optical 96 well	<p>Là dạng đĩa 96 giếng (không barcode)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tương thích với các hệ thống máy Fast realtime PCR, và hệ máy giải trình tự của ABI.</li> <li>- Bảo quản: nhiệt độ phòng.</li> </ul>	Hộp (10 plate)	Hộp	1
44	Đĩa 96-giếng Fast có thể dùng được cho Real-time PCR có barocde 0.1 ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là dạng đĩa 96 giếng (có barcode)</li> <li>- Tương thích với các hệ thống máy Fast realtime PCR, và hệ máy giải trình tự của ABI.</li> <li>- Bảo quản: nhiệt độ phòng.</li> </ul>	Hộp (20 plate)	Hộp	5



TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
45	Đĩa nhựa 96 giếng ống 0.2ml dùng cho máy realtime PCR và máy giải trình tự gen	<p>Đĩa PCR 96 giếng, half- skirt, màu trong</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được sản xuất từ polypropylene tinh khiết</li> <li>- Thiết kế thành mỏng cho phép truyền nhiệt hiệu quả</li> <li>- Tương thích với các chu trình nhiệt 96 giếng tiêu chuẩn, cấu hình 8 X 12.</li> <li>- Một góc được cắt đi để tạo điều kiện định hướng.</li> <li>- Lưới chữ và số để nhận dạng tốt hơn.</li> <li>- Mỗi giếng có thể tích tối đa 300ul.</li> <li>- Chưa tiệt trùng và có thể khử trùng.</li> <li>- Không chứa DNase và RNase.</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE</li> </ul>	10 đĩa/túi, 5 túi/thùng	Hộp	2
46	Đĩa giấy ONPG	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đĩa giấy màu trắng tằm với ortho-nitrophenyl-galactopyranoside (O.N.P.G.).</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7; ISO, CE</li> </ul>	Hộp/5x50 đĩa	Hộp	1
47	Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm	<p>Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được tiệt trùng bằng tia gamma</li> <li>- Nắp và thân đĩa phẳng</li> <li>- Màu tự nhiên, trong suốt</li> <li>- Kích thước: 60x15 mm</li> </ul>	Thùng	Thùng	1
48	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	<p>Chất liệu: nhựa y tế Polystyrene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được tiệt trùng bằng tia gamma</li> <li>- Nắp và thân đĩa phẳng</li> <li>- Màu tự nhiên, trong suốt</li> <li>- Kích thước: 90x15 mm</li> </ul>	500 cái/Thùng	Thùng	6
49	DMEM (Dulbecco's Modified Eagle's Medium)		10lit/ chai	Chai	1
50	dNTPs		200µl/ lọ	Lọ	1
51	Dung dịch bovine serum Albumin Fraction V-(7,5%)	<p>Nồng độ: 7.5 g/100 ml.</p> <p>Pha trong phosphate-buffered saline</p>	Chai/100 ml	Chai	12
52	Dung dịch đệm cho máy giải trình tự 10X	<p>Nồng độ: 10X</p> <p>Hệ tương thích: Applied Biosystems® 310, 3100, 3100-Avant™, 3130, and 3130xl Genetic Analyzers</p>	Lọ (25ml)	Lọ	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
53	Dung dịch đệm hòa mẫu Hi Di-Formamide	Hệ tương thích: Applied Biosystems® 310, 3100, 3100-Avant™, 3130, and 3130xl Genetic Analyzers	Lọ (25ml)	Lọ	1
54	Dung dịch DMSO	Tiêu chuẩn Hybri-Max™, sterile-filtered, BioReagent, suitable for hybridoma, ≥99.7%	Chai/100 ml	Chai	2
55	Dung dịch HEPES (N-2-hydroxyethylpiperazine-N-2-ethane sulfonic acid) 1M	Bộ đệm hóa học hữu cơ Zwitterionic Nồng độ: 1M Màu sắc: Trong suốt Thành phần: N-2-Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid Sử dụng trong nuôi cấy tế bào động vật Hình thức: dạng lỏng Phạm vi pH: 7,2 đến 7,5 Đã lọc vô trùng Lượng sử dụng khuyến cáo 10–25 mM Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA	100 mL/ Chai	Chai	15
56	Dung dịch huyết thanh bào thai bê không bất hoạt nhiệt	Chai để sử dụng trong tủ cấy, hạn chế tạp nhiễm - Tệt trùng bằng lọc 0,1 um - Hàm lượng: Endotoxin level: ≤ 5EU/ml Hemoglobin level: ≤15 mg/dl - Đạt chuẩn ISO 13485, được FDA công nhận	500 mL/ Chai	Chai	4
57	Dung dịch kháng nấm Amphotericin B	Thành phần Fungizone® Antimycotic: 250 µg amphotericin B và 205 µg sodium deoxycholate. Nồng độ khuyến khích khi sử dụng 0.25 to 2.50 µg/mL. Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA	Chai/50 ml	Chai	3
58	Dung dịch khử nhiễm DNA	Khử nhiễm DNA bề mặt dụng cụ	Chai 250ml	Chai	2
59	Dung dịch Penicillin-Streptomycin	Thành phần: 10,000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10,000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus - Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương - Nồng độ: 100X	Chai/100 ml	Chai	14

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
60	Penicillin-Streptomycin	<p>Nồng độ: 100X            Loại sản phẩm: Kháng sinh            Vô trùng: Đã lọc vô trùng            Thành phần: Penicillin, Streptomycin            Ngăn ngừa nhiễm môi trường nuôi cấy tế bào            Hình thức: Chất lỏng</p>	100 mL/ Chai	Chai	1
61	Dung dịch pH chuẩn 10	<p>- Độ chính xác <math>\pm 0.01</math> pH , 25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai - Hạn sử dụng dài lên đến 4 năm            - Cung cấp kèm Chứng Nhận Phân Tích (COA) và MSDS - Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ó vàng hoặc nhiễm màu mỗi nối hoặc cell tham chiếu của điện cực.            - Độ tinh khiết, chất lượng cao dung dịch đệm chuẩn chất lượng cao được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO3696/BS3978 sử dụng muối có độ tinh khiết cao, nước khử ion, cân bằng kiểm tra trọng lượng được chứng nhận và thủy tinh loại A trong môi trường được kiểm soát nhiệt độ được theo dõi bằng nhiệt kế được chứng nhận. Các giá trị được báo cáo là chính xác đến <math>\pm 0.01</math> pH @25°C và có thể truy nguyên theo Tài liệu tham khảo tiêu chuẩn (SRM) của NIST.            - Dùng được cho tất cả các loại máy đo pH trên thị trường            - Niêm phong kín</p>	Chai 1 lít	Chai	2
62	Dung dịch pH chuẩn 4	<p>- Độ chính xác <math>\pm 0.01</math> pH , 25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai - Hạn sử dụng dài lên đến 4 năm            - Cung cấp kèm Chứng Nhận Phân Tích (COA) và MSDS - Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ó vàng hoặc nhiễm màu mỗi nối hoặc cell tham chiếu của điện cực.            - Độ tinh khiết, chất lượng cao dung dịch đệm chuẩn chất lượng cao được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO3696/BS3978 sử dụng muối có độ tinh khiết cao, nước khử ion, cân bằng kiểm tra trọng lượng được chứng nhận và thủy tinh loại A trong môi trường được</p>	Chai 1 lít	Chai	2

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>kiểm soát nhiệt độ được theo dõi bằng nhiệt kế được chứng nhận. Các giá trị được báo cáo là chính xác đến <math>\pm 0.01</math> pH @25°C và có thể truy nguyên theo Tài liệu tham khảo tiêu chuẩn (SRM) của NIST.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng được cho tất cả các loại máy đo pH trên thị trường</li> <li>- Niêm phong kín</li> </ul>			
63	Dung dịch pH chuẩn 7	<p>Độ chính xác <math>\pm 0.01</math> pH , 25°C - Bảng giá trị pH thực tế theo nhiệt độ được in trên thân chai - Hạn sử dụng dài lên đến 4 năm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp kèm Chứng Nhận Phân Tích (COA) và MSDS - Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ố vàng hoặc nhiễm màu mỗi nổi hoặc cell tham chiếu của điện cực.</li> <li>- Độ tinh khiết, chất lượng cao dung dịch đệm chuẩn chất lượng cao được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO3696/BS3978 sử dụng muối có độ tinh khiết cao, nước khử ion, cân bằng kiểm tra trọng lượng được chứng nhận và thủy tinh loại A trong môi trường được kiểm soát nhiệt độ được theo dõi bằng nhiệt kế được chứng nhận. Các giá trị được báo cáo là chính xác đến <math>\pm 0.01</math> pH @25°C và có thể truy nguyên theo Tài liệu tham khảo tiêu chuẩn (SRM) của NIST.</li> <li>- Dùng được cho tất cả các loại máy đo pH trên thị trường</li> <li>- Niêm phong kín</li> </ul>	Chai 1 lít	Chai	2
64	Dung dịch Sodium bicarbonate 7.5%	<p>Sử dụng pha môi trường nuôi cấy tế bào</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vô trùng</li> <li>- Nồng độ: 7.5% Sodium Bicarbonate</li> <li>- Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA</li> </ul>	Chai/100 ml	Chai	14
65	Dung dịch TBE 10X	Tris-Borate-EDTA buffer 10X	Chai 1 lít	Chai	2
66	Dung dịch TE	<p>Dung dịch TE (Tris-EDTA) pH7.4 <math>\pm</math> 0.2</p> <p>Nồng độ: 10X</p> <p>Trạng thái dạng lỏng, trong suốt</p> <p>Không chứa DNase, RNase, Protease</p>	Chai 500 ml	Chai	2

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
67	Dung dịch Trypsin-EDTA 10X	Có nguồn gốc từ tuyến tụy của lợn, sử dụng trong nuôi cấy tế bào thường quy, phân tách tế bào, mô. Chelators: EDTA Phân loại: Nguồn gốc động vật Độ thẩm thấu: 300 - 345 mOsm/kg Phạm vi pH: 7.1 - 8.0 Nồng độ: 10 X Thành phần: Sodium Chloride 8500mg/L, EDTA 4Na 2H <sub>2</sub> O 2000mg/L, Trypsin 5000mg/L Sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA	Chai/100 ml	Chai	4
68	Dung dịch Trypsin-TPCK 250 mg	Appearance (Color) White Appearance (Form) Powder units/mg protein > 10000 _ One BAEE unit will produce a delta A253 of 0.001 per minute with BAEE as substrate at pH 7.6 at 25 deg C. Reaction volume = 3.2 ml (1 cm light path). BTEE units/mg protein < 0.1 _ Chymotrypsin Impurity. % Protein (UV) 90 - 100 11:54	Chai/250 MG	Chai	1
69	DyeEX 2.0 Spin	Loại bỏ sạch chất nhuộm màu dư thừa sau phản ứng đánh dấu, dạng cột riêng lẻ từng mẫu	250 test/hộp	Hộp	1
70	Enzyme polymerase sử dụng trong phản ứng PCR	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các đoạn khuếch đại lên tới 6 kb với DNA bộ gen và 20 kb với DNA virus</li> <li>• Kết hợp với các modified nucleotides</li> <li>• Tạo các sản phẩm 3'-Ait</li> <li>• Nồng độ: 5 U/μL</li> </ul>	Lọ	Lọ	1
71	Eppendorf 2ml	Ống ly tâm 2ml, trong suốt - Không chứa DNase / RNase. - Có thể khử trùng - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE	500 cái / gói	Gói	10
72	Ethanol	- Nồng độ tuyệt đối >99.9% Đạt độ tinh sạch dùng trong sinh học phân tử Không chứa DNA, RNA, DNase, Rnase	Chai 1 lít	Chai	4
73	Găng tay không bột size L	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên. - Hàm lượng độ bột: ≤ 2mg / găng tay - Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong	50 đôi/ Hộp	Hộp	5

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		nước: 50ug/dm <sup>2</sup> or hoặc thấp hơn lượng công bố này - Màu sắc: Màu cao su tự nhiên - Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám			
74	Găng tay không bột size M	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên. - Hàm lượng độ bột: ≤ 2mg / găng tay - Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước: 50ug/dm <sup>2</sup> or hoặc thấp hơn lượng công bố này - Màu sắc: Màu cao su tự nhiên - Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám	50 đôi/ Hộp	Hộp	165
75	Găng tay không bột size S	Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên. - Hàm lượng độ bột: ≤ 2mg / găng tay - Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước: 50ug/dm <sup>2</sup> or hoặc thấp hơn lượng công bố này - Màu sắc: Màu cao su tự nhiên - Đặc tính: Dùng được cả hai tay, cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám	50 đôi/ Hộp	Hộp	105
76	Găng tay Nitrile size M	Size M, Cao su Nitrile nhân tạo, 100% nitrile, không bột, Bảo vệ khỏi các chất không mong muốn hay nguy hiểm Độ dày ngón tay: tối thiểu 0,05 mm Độ dày lòng bàn tay: tối thiểu 0,05 mm	50 đôi/ Hộp	Hộp	20
77	Găng tay Nitrile size S	Size S, Cao su Nitrile nhân tạo, 100% nitrile, không bột, Bảo vệ khỏi các chất không mong muốn hay nguy hiểm Độ dày ngón tay: tối thiểu 0,05 mm Độ dày lòng bàn tay: tối thiểu 0,05 mm	50 đôi/ Hộp	Hộp	31
78	Găng tay phẫu thuật vô trùng	không bột size M	Hộp	Hộp	2
79	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn hậu môn	tube	tube	5

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
80	Gel điện di Agarose 100 gram	* Nuclease free, dùng cho sinh học phân tử * Melting Point 87–89°C * Sử dụng cho đồ gel điện di mẫu * Dạng bột * Bảo quản: +15°C to +30°C	Lọ/100 gram	Lọ	2
81	Gel Polymer Pop 7	Gel Pop7 phù hợp cho thiết bị chạy trình tự ABI	Hộp	Hộp	2
82	Genetic Analyzer Capillary Array, 80 cm, 16 kênh,		Bộ	Bộ	1
83	Geneticin	Agent: Geneticin® (G-418) Định dạng hóa chất: Kháng sinh; nồng độ: 50 mg/mL; đã được tiệt trùng	Chai (100ml)	Chai	2
84	Giá để tube 1.5/15/50 ml	4 way tube rack, sử dụng được đồng thời cho các loại tube 1.5/15/50 ml	Cái	Cái	10
85	Giá giữ lạnh cho tube 1.5 ml	Khay giữ lạnh 81 lỗ, cho tube eppendorf 1.5 ml	Cái	Cái	2
86	Giấy lau không bụi (Giấy lau kính hiển vi)	Giấy có độ dai, mềm, có khả năng chống tĩnh điện, có tính trơ với nhiều loại hóa chất, không sinh bụi. Giấy lau chuyên biệt cho lau thấm vệ sinh gương kính Mềm mại và nhẹ nhàng, thấm hút cực tốt/Giấy có độ dai bề ngang, giúp rắn chắc khi lau chi tiết. Không để lại bụi. Rất sạch sẽ và không gây ô nhiễm. Khăn lau một lớp thấm hút dễ dàng làm sạch chất lỏng và bụi Thiết kế dạng POP-UP *Box sử dụng một lần. Giúp giảm xơ và chống tĩnh điện. Lý tưởng trong phòng sạch hoặc các phòng thí nghiệm	250 tờ/hộp	Hộp	2
87	Giấy thử PH	Giấy thử PH	Cuộn	Cuộn	2
88	Gòn Y tế		1kg/cuộn	Cuộn	4
89	Kit Gotaq Green Master Mix hoặc tương đương		1000U/hộp	Hộp	1
90	Hộp đựng rác sắc nhọn 1.5 L	Hộp nhựa dùng đựng rác sắc nhọn, 1.5 L	Cái	Cái	10

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
91	Hộp lưu mẫu	Có 81 vị trí lưu giữ trong hộp sắp xếp theo 9x9 Chất liệu Polypropylene (PP) Có khả năng chịu nhiệt độ đến -1960C, chống va đập Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Trên hộp có đánh dấu ký hiệu trên các vị trí lưu trữ Kích thước hộp Tương thích với các microtube 0.5ml, 1.5ml hoặc 2.0ml và các ống lưu mẫu;	Cái	Cái	170
92	Hộp nhuộm lam	Dụng cụ dùng cho nhuộm Gram vi khuẩn	Hộp	Hộp	1
93	Hộp trữ tube lạnh (Freeze Preservation Unit Freezing Container)	Hộp chứa tube trữ lạnh 1 to 5 ml. Tốc độ làm lạnh rất gần -1 ° C / phút, tốc độ tối ưu để bảo quản tế bào, từ 12 đến 18 ống và nắp trên cùng có vít giữ chặt	Hộp	Hộp	3
94	Javel		Lít	Lít	80
95	Kháng huyết thanh Salmonella H	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu cho từng kháng nguyên nhóm H được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White.</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>	Lọ/5mL	Lọ	10
96	Kháng huyết thanh Salmonella Vi	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, xác định kháng nguyên Vi theo phân loại của Kauffman-White.</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>	Lọ/2mL	Lọ	1
97	Kháng huyết thanh Shigella bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ kháng huyết thanh định danh Shigella (Bao gồm các nhóm A, A1, B, C, C1, C2, C3, D)</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>	Bộ 8 Lọ	Bộ	1
98	Kháng huyết thanh Tả Inaba	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Inaba).</li> <li>• Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>	Lọ/2mL	Lọ	1
99	Kháng huyết thanh Tả O139	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar</li> </ul>	Lọ/2mL	Lọ	1



TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Inaba). • Tiêu chuẩn chất lượng: ISO			
100	Kháng huyết thanh Tả Ogawa	• Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Ogawa). • Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Lọ/2mL	Lọ	1
101	Kháng sinh đĩa	• Đĩa giấy tẩm thuốc kháng sinh và sử dụng cho các thử nghiệm độ mẫn cảm theo các thử nghiệm kháng sinh Kirby-Bauer • Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Hộp/5x50 đĩa	Hộp	30
102	Kháng sinh MIC trip	MIC Strip là dải giấy được ngâm tẩm với một gradient nồng độ xác định trước của kháng sinh, gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng - Đạt chuẩn CLSI/EUCAST - Đóng gói: Hộp/30 test - Bảo quản ở -20 -8°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Hộp/30 test	Hộp	15
103	Kháng sinh MIC trip	• Gradient nồng độ gồm có 15 nồng độ pha loãng. • Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Hộp/30 test	Hộp	5
104	Khẩu trang y tế	Đạt tiêu chuẩn TCVN Cấu tạo: gồm 4 lớp vải lọc không dệt và 1 lớp giấy lọc y tế kháng khuẩn chất lượng cao. - Tính năng bảo vệ vượt trội - Thun đeo co giãn phù hợp - Gọng kẹp mũi bằng nhựa giúp chiếc khẩu trang ôm sát phần sống mũi hơn	Hộp 50 cái	Hộp	220
105	Kit chạy định lượng one-step RT-PCR thế hệ 3 (100 test)	Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA total. Lượng 50µl mỗi phản ứng đủ cho 100-500 chu kì khuếch đại PCR Thành phần: • Platinum Taq Mix	Hộp/100 test	Hộp	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Magnesium Sulfate</li> <li>• ROX Reference Dye (25 µM)</li> </ul>			
106	Kit chạy định lượng one-step RT-PCR thế hệ 3 (500 test)	<p>Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA total.            Lượng 50µl mỗi phản ứng đủ cho 100-500 chu kì khuếch đại PCR            Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Platinum Taq Mix</li> <li>• Magnesium Sulfate</li> <li>• ROX Reference Dye (25 µM)</li> </ul>	Hộp/500 test	Hộp	4
107	Kit chạy Multiplex PCR	<p>Sử dụng trong Multiplex PCR có độ nhạy và đặc hiệu cao mà không có yêu cầu tối ưu hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép thực hiện với các template khó và giàu GC</li> <li>- Sử dụng enzyme hotstart DNA polymerase, tốc độ tổng hợp 2-4 kb/min ở 72°C; Nồng độ: 5 units/µl; Half life: tối thiểu 10 phút ở 97°C ; 60 min ở 94°C; Hiệu quả khuếch đại <math>\geq 10^5</math> lần;</li> <li>- Có hoạt tính 5' -&gt; 3' exonuclease</li> </ul>	Bộ	Bộ	2
108	Kit chuẩn bị thư viện DNA	<p>Bộ kit chuẩn bị mẫu để giải trình tự các bộ gen nhỏ, PCR amplicon, plasmid hoặc cDNA</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ Nextera đồng thời phân mảnh và gắn trình tự adapter chỉ bằng 1 phản ứng với enzyme</li> <li>- Tương thích với cả các thư viện &gt; 300 bp</li> <li>- Thời gian chuẩn bị thư viện trong khoảng 90 phút, trong đó mất khoảng 15 phút thao tác bằng tay.</li> <li>- Lượng ADN đầu vào: 1 ng</li> </ul>	Bộ	Bộ	1
109	Kit định danh các loài vi khuẩn thuộc giống Staphylococcus	<p>Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định Staphylococcus, Micrococcus và Kocuria</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng phần mềm để đọc kết quả</li> <li>- Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)</li> </ul>	Bộ 25 test	Bộ	1
110	Kit định danh định danh xác định vi khuẩn xác định Non-	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định không thuộc nhóm đường ruột ( ví dụ pseudomonas, Acinetobacter...)</li> <li>• Sử dụng phần mềm để đọc kết quả</li> </ul>	Bộ 25 test	Bộ	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
	Enterobacteriaceae	• Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)			
111	Kit định danh xác định vi khuẩn kỵ khí Coryne	API Coryne là một hệ thống chuẩn để định danh những vi khuẩn họ Coryne, sử dụng thanh bao gồm 20 test sinh hóa và một cơ sở dữ liệu. Danh sách hoàn chỉnh của những tổ chức vi khuẩn trên có thể xác định bằng hệ thống này được đưa ra trong Bảng định danh ở cuối của bản hướng dẫn sử dụng	Bộ	Bộ	1
112	Kit định danh xác định vi khuẩn Neisseria, Haemophilus	Dải API® NH bao gồm 10 vi ống chứa chất nền khử nước cho phép thực hiện 12 xét nghiệm định danh Haemophilus influenzae, Haemophilus parainfluenzae, Moraxella catarrhalis (Branhamella catarrhalis) và Neisseria	Bộ	Bộ	1
113	Kit định danh xác định vi khuẩn xác định Enterobacteriaceae	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định Enterobacteriaceae, trực khuẩn gram âm khác</li> <li>Sử dụng phần mềm để đọc kết quả</li> <li>Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)</li> </ul>	Bộ 25 test	Bộ	4
114	Kit định nhanh xác định NHANH vi khuẩn Enterobacteriaceae	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng thử nghiệm định danh nhanh xác định vi khuẩn xác định Enterobacteriaceae, trực khuẩn gram âm khác</li> <li>Định danh trong vòng 4h</li> <li>Sử dụng phần mềm để đọc kết quả</li> <li>Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh (tương tự API)</li> </ul>	Bộ 25 test	Bộ	1
115	Kit giải trình tự DNA dùng cho máy ABI 3130XL	Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>1 × 800µl tube of BigDye® Terminator v3.1 Ready Reaction Mix</li> <li>1 tube M13 (-21) Primer</li> <li>1 tube pGEM Control DNA</li> <li>2 × 1 ml tubes of 5X Sequencing Buffer</li> </ul>	Hộp/100 test	Hộp	2
116	Kit One Step RT-PCR, 100 test	Điều kiện bảo quản: -20oC Kit chạy RT-PCR 1 bước, sử dụng nhanh và dễ dàng, độ nhạy cao. Sử dụng với bất kì mẫu ARN nào mà không cần quá trình tối ưu hóa phản ứng.	Hộp (100 test)	Hộp	11

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Thiết kế phản ứng dễ và thao tác nhanh trong 1 tube Có thể hoạt động với nồng độ RNA từ 1pg-2ug Sử dụng hỗn hợp enzyme Omniscrypt Reverse Transcriptase, Sensicrip Rereverse Transcriptase và HotStar Tag DNA Polymerase cho giai đoạn PCR			
117	Kit PCR Master Mix	Master Mix chạy PCR	hộp 1000 phản ứng	Hộp	1
118	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus đại	- Sinh phẩm chẩn đoán IVD - Kit realtime phát hiện bộ gene virus đại từ RNA. - Độ nhạy, độ chính xác và độ đặc hiệu >97%. - Có bao gồm chứng nội (IC) - Tương thích với dòng máy realtime QuantStudio™ 5 Real-Time PCR System	Hộp 50 test	Hộp	1
119	Kit RTPCR có ROX	Kit chạy RT-PCR: Platinum qPCR supperMix-UDG có ROX	Hộp 100 test	Hộp	1
120	Kit tách chiết DNA từ mẫu phân	Bộ kit tinh sạch DNA người hoặc vi sinh chất lượng cao từ mẫu phân bằng công nghệ màng silica gel. - Có thành phần Buffer giúp loại bỏ các chất ức chế PCR thường tồn tại trong mẫu phân - Thao tác thực hiện ít, có thể tách chiết bằng tay hoặc trên máy - Hiệu suất tách chiết lên đến 5–50 µg	Bộ 50 test	Bộ	1
121	Kit tách chiết DNA từ mô	Tách chiết DNA tổng số hệ gen, ty thể, virus... - Mẫu đầu vào: mô, tằm bông, máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể, tế bào nuôi cấy, mẫu máu khô	Bộ 50 test	Bộ	1
122	Kit tách chiết DNA từ mô	Tách chiết DNA tổng từ mô động vật	Hộp 250 test	Hộp	1
123	Kit tách chiết RNA virus (250 phản ứng)	Tách chiết RNA virus từ huyết thanh và huyết tương Quá trình tách chiết nhanh, hiệu suất cao, RNA tách chiết được có chất lượng cao, loại bỏ hoàn toàn các tạp chất tạp nhiễm và chất ức chế.	Bộ 250 test	Bộ	8

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Dung tích mẫu (Sample volumes) có thể dùng tới 280ul. Cột column có thể gắn với RNA có chiều dài hơn 200 nucleotides. Cột column màu trắng, trong, chịu được tốc độ ly tâm lớn, dễ mở nắp. Lượng ống góp vừa đủ để loại bỏ sau mỗi bước sử dụng mà không cần tái sử dụng. Quá trình thực hiện thao tác ở nhiệt độ phòng không cần gia nhiệt (65oC, 80oC). Điều kiện bảo quản: 15-25oC			
124	Kit tách chiết RNA virus (50 phản ứng)	Tách chiết RNA virus từ huyết thanh và huyết tương Quá trình tách chiết nhanh, hiệu suất cao, RNA tách chiết được có chất lượng cao, loại bỏ hoàn toàn các tạp chất tạp nhiễm và chất ức chế. Dung tích mẫu (Sample volumes) có thể dùng tới 280ul. Cột column có thể gắn với RNA có chiều dài hơn 200 nucleotides. Cột column màu trắng, trong, chịu được tốc độ ly tâm lớn, dễ mở nắp. Lượng ống góp vừa đủ để loại bỏ sau mỗi bước sử dụng mà không cần tái sử dụng. Quá trình thực hiện thao tác ở nhiệt độ phòng không cần gia nhiệt (65oC, 80oC). Điều kiện bảo quản: 15-25oC	Bộ 50 test	Bộ	1
125	Kit Thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn Campylobacter		Bộ 25 test	Bộ	1
126	Kit Thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn kỵ khí,	Sử dụng thử nghiệm định danh xác định vi khuẩn xác định các vi khuẩn yếm khí - Sử dụng phần mềm để đọc kết quả - Có thể sử dụng để là sinh phẩm chuẩn đối chứng để thẩm định quy trình định danh	Bộ 25 test	Bộ	1
127	Kit thử nghiệm Influenza Neuraminidase bằng phương pháp huỳnh quang	Dạng đông khô Thành phần: NA-Fluor™ MUNANA Substrate (4-(methyumbelliferyl)-N-acetylneuraminic acid), NA-Fluor™ 2X Assay Buffer, và NA-Fluor™ Stop Solution	Kit/960 assay	Kit	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Bước sóng: excitation 350-365, emission 440-460			
128	Kit thử nghiệm Latex Staphylococcus aureus	Thử nghiệm ngưng kết nhanh để xác định trực tiếp Staphylococcus aureus. - Thành phần: công nghệ latex các định protein A - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Bộ 50 test	Bộ	1
129	Kit tinh sạch sản phẩm PCR		250 test/kit	Kit	1
130	Kit tinh sạch sản phẩm PCR (50)	Tinh sạch: tối đa 10 µg sản phẩm PCR, kích thước từ 100 bp đến 10 kb * Nồng độ sau tinh sạch: 95% DNA sẵn sàng sử dụng * Làm sạch DNA lên đến 10 kb trong ba bước dễ dàng * Thuốc nhuộm tải gel để phân tích mẫu thuận tiện * Cung cấp các cột quay, dung dịch đệm và các ống thu mẫu có màng silica cho các sản phẩm PCR > 100 bp. DNA lên tới 10 kb được tinh chế bằng cách sử dụng quy trình rửa tay liên kết đơn giản và nhanh chóng và thể tích rửa giải 30-50 µl. * Một chỉ số pH tùy chọn cho phép dễ dàng xác định độ pH tối ưu cho DNA liên kết với cột quay	Bộ 50 test	Bộ	2
131	Kit tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự (250 phản ứng)	Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự. - Quy trình nhanh với hai bước ly tâm ngắn - Vật liệu lọc gel khử nước sẵn sàng sử dụng - Loại bỏ hiệu quả các chất nhuộm sau phản ứng giải trình tự. - Dạng cột quay và sử dụng công nghệ lọc gel. - Dung tích mẫu 10-20 µL. - Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự, loại bỏ được các chất nhuộm như Big Dye, dRhodamine, Rhodamine, DYEnamic ET, well RED	Bộ 250 test	Bộ	1
132	Kit tinh sạch sản phẩm sau khi giải	Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự.	Bộ 50 test	Bộ	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
	trình tự (50 phản ứng)	<p>Quy trình nhanh chóng chỉ với hai bước ly tâm ngắn</p> <p>Vật liệu lọc gel khử nước sẵn sàng sử dụng</p> <p>Loại bỏ hiệu quả các chất nhuộm sau phản ứng giải trình tự.</p> <p>Dạng cột quay và sử dụng công nghệ lọc gel. Phản ứng giải trình tự được nạp vào vật liệu lọc gel được hydrat hóa trước. Sau một bước ly tâm ngắn, các phản ứng đã sẵn sàng để được nạp vào thiết bị mao quản của máy giải trình tự. Các chất nhuộm còn lại sẽ ược giữ lại trong gel matrix.</p> <p>Dung tích mẫu 10-20uL.</p> <p>Dùng tinh sạch sản phẩm sau khi giải trình tự, loại bỏ được các chất nhuộm như Big Dye, dRhodamine, Rhodamine, DYEnamic ET, well RED</p>			
133	Lam kính dùng cho kính hiển vi	6x26mm (50miếng/hộp) Thủy tinh trong	Hộp	Hộp	50
134	Lamen dùng cho kính hiển vi	Dùng cho đẩy lame trong đọc kính hiển vi Kích thước: 24 x 60 mm) Chất liệu: Thủy tinh trong suốt	100 miếng/ hộp	Hộp	37
135	Đĩa 96 giếng chạy PCR	Màu trắng đục, polypropylene, 96 giếng, sử dụng tương thích với hệ thống LightCycler 480 hoặc tương đương để chứa phản ứng PCR, khuếch đại và phát hiện tác nhân nhiễm	Thùng (50 plate)	Thùng	5
136	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm	Lọ nhựa đựng mẫu vô trùng, 50 ml	Lọ	Lọ	100
137	Lọ đựng phân có muối	Lọ nhựa đựng mẫu phân, 50 ml	Lọ	Lọ	50
138	Dung dịch nạp mẫu		1ml x 3 tube/ bộ	Bộ	1
139	Màng lọc 0,22µm, phi 47mm	Màng lọc 0,22µm, phi 47mm	Hộp	Hộp	1
140	màng lọc 0.22um , đường kính 90mm	Màng lọc cellulose, đường kính màng lọc 90 mm	Hộp 100 cái	Hộp	4
141	màng lọc 0.45um , đường kính 90mm	Màng lọc cellulose, đường kính màng lọc 90 mm	Hộp 100 cái	Hộp	4

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
142	Máu cừu		Lít	Lít	2.4
143	Máu cừu	Máu cừu vô trùng loại sợi huyết. Không sử dụng chất chống đông. Hồng cầu màu đỏ tươi. Hạn sử dụng tối thiểu 3 tháng. Tỷ lệ hồng cầu >50%. - Bảo quản: 2-8oC - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Lọ/10ml	Lọ	10
144	Micropipette 1 kênh thể tích 0,5-10 µL	Lớp vỏ cách nhiệt giúp bảo vệ các bộ phận bên trong, tăng cường độ chính xác Làm từ chất liệu có tính chịu được hóa chất và UV cao Dễ dàng hiệu chỉnh cho các loại chất lỏng khác nhau Đơn giản hóa việc làm sạch và bảo trì chỉ với 3 bộ phận cần tháo rời mà không cần dụng cụ hỗ trợ mở Có thể hấp khử trùng toàn bộ pipette (121°C, 20 phút, 1 atm) mà không cần tháo rời	Cái	Cái	4
145	Micropipette 1 kênh thể tích 1000 µL	Micropipet 1 kênh 200-1000ul - Đầu típ làm bằng PVDF có độ bền cao chống lại sự ăn mòn hóa học và vật lí - Cơ chế khoá ngăn sự thay đổi ngẫu nhiên. - Có thể hấp tiệt trùng nguyên cây - Piston 2 bước cho phép kỹ thuật Reverse. - Màn hình hiển thị 4 chữ số lớn - Cơ chế niêm phong PTFE đặc biệt trong vòng O-ring. - Tương thích với nhiều loại đầu típ - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025; ISO 9001; CE	Cái	Cái	1
146	Micropipette 1 kênh thể tích 20-200 µL	Micropipet 1 kênh 20-200ul - Đầu típ làm bằng PVDF có độ bền cao chống lại sự ăn mòn hóa học và vật lí - Cơ chế khoá ngăn sự thay đổi ngẫu nhiên. - Có thể hấp tiệt trùng nguyên cây - Piston 2 bước cho phép kỹ thuật Reverse. - Màn hình hiển thị 4 chữ số lớn - Cơ chế niêm phong PTFE đặc biệt trong vòng O-ring. - Tương thích với nhiều loại đầu típ - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025; ISO 9001; CE	Cái	Cái	1



TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
147	Micropipette 1 kênh thể tích 2-20 $\mu$ L	<p>Micropipet 1 kênh 2-20ul</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu típ làm bằng PVDF có độ bền cao chống lại sự ăn mòn hóa học và vật lí</li> <li>- Cơ chế khoá ngăn sự thay đổi ngẫu nhiên.</li> <li>- Có thể hấp tiệt trùng nguyên cây</li> <li>- Piston 2 bước cho phép kỹ thuật Reverse.</li> <li>- Màn hình hiển thị 4 chữ số lớn</li> <li>- Cơ chế niêm phong PTFE đặc biệt trong vòng O-ring.</li> <li>- Tương thích với nhiều loại đầu típ</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025; ISO 9001; CE</li> </ul>	Cái	Cái	1
148	Miếng dán nhôm cho plate PCR 96 well	<p>Tương thích với plate 96 well cho PCR 0.2mL.</p> <p>Độ bám dính tốt</p> <p>Không chứa DNA, RNA, DNase, Rnase, chất ức chế PCR</p> <p>Chịu được nhiệt độ từ -20oC đến 120oC</p>	100 miếng/hộp	Hộp	1
149	MiSeq Reagent Kit v2 (300-cycles)	<p>Hóa chất giải trình tự trên hệ thống máy MiSeq/ MiSeq Dx ở module nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm MiSeq Flowcell, đệm lai, đệm kết hợp, hộp thuốc thử pha sẵn dùng 1 lần cho giải trình tự bằng sinh tổng hợp</li> <li>- Sử dụng công nghệ nhận dạng bằng sóng vô tuyến (RFID)</li> <li>- Cung cấp hóa chất cho 325 chu kỳ giải trình tự</li> <li>- Dữ liệu đầu ra tối đa: 5.1 Gb</li> </ul>	Bộ	Bộ	1
150	Môi trường Baird Parker (BP) agar base	<p>Môi trường chọn lọc để phát hiện và định lượng coagulase dương tính staphylococci trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, theo ISO 6888.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Pancreatic Digest of Casein 10.0; Meat Extract 5.0; Yeast Extract 1.0; Sodium Pyruvate 10.0; L-Glycine 12.0; Lithium Chloride 5.0; Agar 17.0; pH cuối cùng <math>7.2 \pm 0.2</math> ở 25°C</li> <li>- Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be.</li> <li>- Bảo quản ở 10-25 °C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
151	Môi trường BHI agar	Môi trường BHI cho nuôi cấy vi sinh, dạng bột	Hộp 500 gr	Hộp	1
152	Môi trường Bordetella supplement	<p>Chất bổ sung có chọn lọc để làm giàu môi trường Bordet gengou agar base để phân lập Bordetella spp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần cho 1 lít môi trường: Cephalexin 40.0 mg</li> <li>- Chất bổ sung dạng đông khô, màu trắng.</li> <li>- Bảo quản: 10-25°C</li> <li>- Đóng gói: Hộp/500g</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Hộp/500g	Hộp	1
153	Môi trường Cary blair (có chỉ thị màu)	<p>Môi trường bán rắn để thu thập, vận chuyển và bảo quản vi sinh vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Sodium Thioglycollate 1.5; Disodium Phosphate 1.1; Calcium Chloride 0.09; Sodium Chloride 5.0; Agar 5.0; pH cuối cùng <math>8.4 \pm 0.2</math> ở 25°C.</li> <li>- Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be sáng.</li> <li>- Bảo quản ở 10-25 °C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1
154	Môi trường citrate	<p>Môi trường sử dụng phân biệt và định danh nhóm vi khuẩn đường ruột thuộc họ Enterobacteriaceae dựa trên cơ sở việc sử dụng citrate.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): MgSO<sub>4</sub> 0,2; Ammonium Dihydrogen Phosphate 1,0; Dipotassium Phosphate 1,0; Sodium Citrate 2,0; NaCl 5,0; Brom Thymol Blue 0,08; Agar 15,0; pH cuối cùng <math>6,8 \pm 0,2</math> ở 25°C</li> <li>- Môi trường dạng bột mịn, đồng nhất, màu vàng hoặc có thể hơi nhuộm màu xanh lá cây</li> <li>- Bảo quản: 10-25°</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1
155	Môi trường Columbia	<p>Đối với 1 lít môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Polypeptone 23.0 g</li> <li>- Starch 1.0 g</li> <li>- Sodium chloride 5.0 g</li> </ul>	Hộp/500g	Hộp	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bacteriological agar.5 g</li> <li>pH của môi trường sử dụng ở 25°C : 7,3 ± 0,2</li> <li>Môi trường khử nước: mịn, khô, đồng nhất, không có tạp chất, màu be.</li> <li>- Bảo quản: 10-25°C</li> <li>- Đóng gói: Hộp/500g</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>			
156	Môi trường CT SMAC (Sorbitol mac conkey agar)	<p>Môi trường chọn lọc và phân biệt để phát hiện E. coli O157 từ các mẫu lâm sàng và các vật liệu khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Pancreatic Digest of Gelatin 17.0; Peptone from Meat 1.5; Peptone from Casein 1.5; D-Sorbitol 10.0; Sodium Chloride 5.0; Bile Salts 1.5; Agar 15.0; Neutral Red 0.03; Crystal Violet 0.001; pH cuối cùng 7.1 ± 0.2 ở 25°C</li> <li>- Môi trường dạng bột mịn, đồng nhất, màu be hồng.</li> <li>- Bảo quản ở 10-25 °C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1
157	Môi trường CT SMAC-supplement	<p>Chất bổ sung cho môi trường có chọn lọc để phân lập Escherichia coli O157: H7 từ thực phẩm, mẫu môi trường và lâm sàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (trong 1 lọ): Cefixime 0.025 mg; Potassium Tellurite 1.25 mg.</li> <li>- Chất bổ sung dạng đông khô màu trắng.</li> <li>- Bảo quản ở 2-8 °C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Hộp/10 lọ	Hộp	1
158	Môi trường Egg yolk tellurite emulsion	<p>Nhũ tương lòng đỏ trứng vô trùng có chứa potassium tellurite được sử dụng để chuẩn bị môi trường nuôi cấy Baird Parker Agar Base (610004, 620004). Môi trường hoàn chỉnh được sử dụng để phân lập và định lượng Staphylococcus aureus trong thực phẩm, theo ISO 6888 (phần 1 và 3).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Lòng đỏ trứng gà trong một thể tích bằng nhau của dung dịch muối (0.9% NaCl) với kali tellurite (2 g/l).</li> <li>- Môi trường lỏng đục màu vàng.</li> </ul>	Hộp/4 x 50 mL	Hộp	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo quản ở 2-8°C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>			
159	Môi trường Hektoen enteric agar	<p>Môi trường chọn lọc dùng để phân lập và nuôi cấy vi khuẩn đường ruột từ mẫu thực phẩm và mẫu lâm sàng, đáp ứng các yêu cầu của APHA và ISO 21567 đối với việc phân lập và phân biệt Salmonella và Shigella spp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Enzymatic Digest of Meat 12.0; Yeast Extract 3.0; Lactose 12.0; Saccharose 12.0; Salicin 2.0; Bile Salts No. 3 9.0; Sodium Chloride 5.0; Sodium Thiosulfate 5.0; Ammonium Ferric Citrate 1.5; Acid Fuchsin 0.1; Bromothymol Blue 0.065; Agar 15.0; pH 7.5 ± 0.2 at 25°C.</li> <li>- Môi trường dạng bột mịn, đồng nhất, màu be</li> <li>- Bảo quản: 10-30° C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	2
160	Môi trường KIA	<p>Môi trường phân lập dùng để xác định nhóm vi khuẩn đường ruột Enterobacteria.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Proteose Peptone 20.0; Sodium Chloride 5.0; Yeast Extract 3.0; Meat Extract 3.0; Ferrous Sulfate 0.2; Sodium Thiosulphate 0.3; Lactose 10.0; Glucose 1.0; Phenol Red 0.024; Agar 11.0. pH cuối cùng 7.4 ± 0.2 ở 25 °C.</li> <li>- Môi trường bột mịn, đồng nhất, màu hồng nhạt</li> <li>- Bảo quản ở 10- 30 °C</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1
161	Môi trường MH agar	<p>Môi trường để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh bằng kỹ thuật khuếch tán đĩa, theo CLSI và EUCAST.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Beef Extract 2.0; Acid Hydrolysate of Casein 17.5; Starch 1.5; Agar 17.0; pH cuối cùng 7.3 ± 0.2 ở 25°C</li> <li>- Môi trường khử nước: mịn, khô, đồng nhất, không có tạp chất, màu be.</li> <li>- Bảo quản: 10-25°C</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE			
162	Môi trường MH broth	Môi trường lỏng để kiểm tra định lượng tính nhạy cảm kháng sinh của sự phát triển nhanh chóng các sinh vật hiếu khí bằng quy trình pha loãng nước dùng, theo tiêu chuẩn của CLSI. - Thành phần (g/l): Beef Extract 3.0; Acid Hydrolysate of Casein 17.5; Starch 1.5; pH cuối cùng $7.3 \pm 0.1$ ở $25^{\circ}\text{C}$ . - Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, không có tạp chất. - Bảo quản: $10-25^{\circ}\text{C}$ - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Chai/500 g	Chai	1
163	Môi trường MKTTn	Môi trường nền để phát hiện Salmonella spp từ thực phẩm và mẫu môi trường, theo ISO 6579. - Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Casein 8.6; Meat Extract 4.3; Sodium Chloride 2.6; Calcium Carbonate 38.7; Sodium Thiosulfate anhydrous 30.5; Ox Bile 4.78; Brilliant Green 0.096; Noyobiocin 40.0 mg (đông khô, màu trắng); pH cuối cùng $8.2 \pm 0.2$ ở $25^{\circ}\text{C}$ - Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu xanh lá cây nhạt.. - Bảo quản: $10-25^{\circ}\text{C}$ - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE.	Chai/500 g	Chai	1
164	Môi trường MR VP	Môi trường để phân biệt vi khuẩn Gram âm, được khuyến nghị bởi ISO 6785: 2001 và IDF 93: 2001 - Thành phần (g/l): Peptospecial 7.0; Dipotassium Phosphate 5.0; Glucose 5.0; pH cuối cùng $7.0 \pm 0.2$ ở $25^{\circ}\text{C}$ - Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be rất nhạt đến màu be nhạt - Bảo quản ở $10-25^{\circ}\text{C}$ - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Chai/500 g	Chai	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
165	Môi trường Muller Hinton Agar (MH)	<p>Môi trường để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh bằng kỹ thuật khuếch tán đĩa, theo CLSI và EUCAST.</p> <p>- Thành phần (g/l): Beef Extract 2.0; Acid Hydrolysate of Casein 17.5; Starch 1.5; Agar 17.0; pH cuối cùng <math>7.3 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Môi trường khử nước, mịn, khô, đồng nhất, không có tạp chất, màu be.</p> <p>- Bảo quản: <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Đóng gói: Hộp/500g</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p>	Hộp/500g	Hộp	1
166	Môi trường nuôi cấy tế bào DMEM (Dulbecco's Modified Eagle's Medium) high glucose (đạng nước)	<p>Thành phần: Glucose: 4,500 mg/lit, Phenol Red 15 mg/L, L- Glutamine 584 mg/L sodium bicarbonate (3.7 g/L)</p> <p>Không chứa: sodium pyruvate, hepes.</p> <p>Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA</p>	Chai/500 ml	Chai	32
167	Môi trường(RVS broth) Rappaport Vassiliadis	<p>Môi trường chọn lọc để phát hiện Salmonella theo ISO 6579-1</p> <p>- Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Soya 4.5; Sodium Chloride 7.2; Potassium Dihydrogen Phosphate (<math>\text{KH}_2\text{PO}_4</math>) 1.26; Dipotassium Hydrogen Phosphate (<math>\text{K}_2\text{HPO}_4</math>) 0.18; Magnesium Chloride Anhydrous 13.4; Malachite Green 0.036; pH cuối cùng <math>5.2 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Môi trường bột mịn, đồng nhất, màu xanh lá cây.</p> <p>- Bảo quản bột ở <math>10-30^{\circ}\text{C}</math></p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p>	Chai/500 g	Chai	1
168	Môi trường Sabouraud	<p>Môi trường để nuôi cấy và đếm nấm men và nấm mốc từ các vật liệu khác nhau, theo EN ISO 11133 và USP / EP / JP.</p> <p>- Thành phần (g/l): Pancreatic Digest of Casein 5.0; Peptic Digest of Animal Tissue 5.0; Dextrose 40.0; Agar 15.0; pH cuối cùng <math>5.6 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math>.</p> <p>- Môi trường tổng hợp dạng bột, đồng nhất, màu be sáng.</p> <p>- Bảo quản: <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></p>	Chai/500 g	Chai	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
169	Môi trường TBX	<p>TBX Agar là một môi trường chọn lọc sắc tố được sử dụng để phân lập và xác định <i>Escherichia coli</i> trong thực phẩm, theo ISO 16649-1, -2 và -3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Enzymatic Digest of Casein 20.0; Bile Salts No. 3 1.5; X-Glucuronide 0.075; Agar 15.0; pH cuối cùng <math>7.2 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math>.</li> <li>- Môi trường tổng hợp dạng bột, đồng nhất, màu be nhạt.</li> <li>- Bảo quản: <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1
170	Môi trường Triple Sugar-Iron Agar (TSI)	<p>Môi trường để phân biệt Enterobacteriaceae, theo ISO 6579 và 6785.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Meat Extract 3.0; Peptone 20.0; Yeast Extract 3.0; Sodium Chloride 5.0; Lactose 10.0; Sucrose 10.0; Glucose 1.0; Sodium Thiosulfate 0.3; Ferric Ammonium Citrate 0.3; Phenol Red 0.024; Agar 13.0; pH cuối cùng <math>7.4 \pm 0.2</math> ở <math>25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Môi trường dạng bột, mịn, đồng nhất, màu be nhạt</li> <li>- Bảo quản: <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1
171	Môi trường XLD	<p>Môi trường chọn lọc để phát hiện <i>Salmonella</i> và <i>Shigella</i> từ mẫu thực phẩm, môi trường và các nguyên liệu khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần (g/l): Yeast Extract 3.0; Sodium Chloride 5.0; Xylose 3.75; Lactose 7.5; Sucrose 7.5; L-Lysine 5.0; Sodium Thiosulfate 6.8; Iron(III) Ammonium Citrate 0.8; Phenol Red 0.08; Sodium Deoxycholate 1.0; Agar 15.0; Final pH <math>7.4 \pm 0.2</math> tại <math>25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Môi trường dạng bột, mịn, đồng nhất, màu hồng</li> <li>- Bảo quản: <math>10-25^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</li> </ul>	Chai/500 g	Chai	1
172	Nắp cho Strip 8 giếng cho Realtime PCR	<p>8-cap strip</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phù hợp 96-well PCR plates, cũng như strip 8 giếng</li> </ul>	Hộp	Hộp	2

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Specially formulated ultra clear polypropylene</li> <li>• Highly polished</li> <li>• Flat cap</li> </ul>			
173	Kit Index cho giải trình tự	Bao gồm các trình tự mỗi index primer giúp đánh dấu phân biệt các mẫu thư viện khác nhau. Khả năng phân biệt 96 mẫu trong một thư viện	Bộ	Bộ	1
174	Nhiệt kế âm sâu	50oC - 5oC, vạch chia 0.2oC	Cây	Cây	1
175	Nhiệt kế tủ lạnh	-10oC - 100oC, vạch chia 0.5oC	Cây	Cây	1
176	Nước vô khuẩn pha tiêm	- Đạt độ tinh sạch dùng trong SHPT. Vô trùng, không nhiễm DNA, RNA, DNase và RNase Không chứa chất ức chế PCR	Chai 500ml Thùng (20 chai x 500ml)	Chai	272
177	Nước khử Dnase/Rnase	Nước khử Dnase/Rnase dùng cho sinh học phân tử	hộp 5x100ml	hộp	2
178	Onestep RT-qPCR Toughmix		100test/kit	Kit	2
179	Ống thông hậu môn size người lớn	Ống thông hậu môn size người lớn	Gói	Gói	7
180	Ống thông hậu môn size trẻ em	Ống thông hậu môn size trẻ em	Gói	Gói	8
181	Optochin	Đĩa giấy thấm tẩm Optochin để xác định vi khuẩn Streptococcus pneumoniae (30 đĩa)	Bộ	Bộ	1
182	Parafilm 10cm x 38m	<p>Vật liệu linh hoạt và tự niêm phong cho phép nó bám vào hình dạng và bề mặt không đều</p> <p>Căng dài hơn 200% chiều dài ban đầu</p> <p>Chịu được tối đa 48 giờ so với nhiều chất như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm</p> <p>Bảo vệ sự toàn vẹn của các ứng dụng nghiên cứu nhờ cản độ ẩm chặt chẽ giúp giữ kín chặt và ngăn thất thoát ra khỏi dụng cụ thủy tinh, ngay cả khí gas</p> <p>Giảm nguy cơ dữ liệu bị giả mạo với lớp phủ không mùi, không màu và nửa trong suốt</p>	Cuộn	Cuộn	2



TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Ngăn chặn độ ẩm và tổn thất khối lượng do thành phần vật liệu và bịt kín Kích thước; 10cm x 38.1m			
183	PBS Phosphate- Buffered Saline (đạng nước)	Không có Calcium, Magnesium, Phenol Red, Sodium Pyruvate. Độ thẩm thấu: 265 - 310 mOsm/kg Phân loại: Animal Origin-Free pH: 7.2 - 7.7 Dạng nước, dùng cho rửa tế bào Sản xuất tại nhà máy đạt chứng chỉ cGMP đạt chuẩn ISO13485 và FDA	Chai (500 mL)	Chai	3
184	Pence kẹp	Pence kẹp inox	Cái	Cái	10
185	PerfecTa® qPCR hoặc tương đương	2X reaction buffer containing optimized concentrations of MgCl <sub>2</sub> , dNTPs (dATP, dCTP, dGTP, dTTP), AccuStart Taq DNA Polymerase, and stabilizers. No Rox	Bộ	Bộ	1
186	PhiX Control v3 hoặc tương đương	Bộ thư viện chuẩn DNA tương thích với máy giải trình tự của Illumina.	Bộ	Bộ	1
187	Pipet 8 kênh 50ul	Đầu tips làm bằng PVDF có độ bền cao chống lại sự ăn mòn hóa học và vật lí - Cơ chế khoá ngăn sự thay đổi ngẫu nhiên. - Dễ dàng tháo lắp và ống góp hoàn toàn có thể tiệt trùng - Manifold xoay 360o - Dễ dàng hiệu chuẩn lại - Có thể hấp tiệt trùng nguyên cây - Piston 2 bước cho phép kỹ thuật Reverse. - Màn hình hiển thị 4 chữ số lớn - Cơ chế niêm phong PTFE đặc biệt trong vòng O-ring. - Tương thích với nhiều loại đầu tips - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO 17025, ISO 9001; CE	Cái	Cái	
188	Pipet aid	Trợ pipette sử dụng được cho pipette nhựa hoặc thủy tinh từ 0.1 ml tới 200 ml - Tốc độ hút: 25ml trong vòng dưới 4 giây - Hấp khử trùng phần gắn đầu cone - Van an toàn đôi và bộ lọc kỹ nước - Hai chế độ tốc độ khác nhau, cao – thấp - Nút bấm mềm, điều chỉnh tốc độ bơm bằng	Cái	Cái	2

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>áp lực ngón tay trên nút bấm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng 8h liên tục, sạc đầy trong 2-3h.</li> <li>- Pin NiMH thân thiện với môi trường, sạc thông minh</li> <li>- Giá để bàn được thiết kế để nạp điện trong khi nghỉ ngơi</li> <li>- Giữ được pipette chứa huyết thanh trong khi nghỉ ngơi trên giá để bàn</li> </ul>			
189	Pipet nhựa 10ml	<p>Thể tích sử dụng: 10 mL            Độ chính xác trong khoảng <math>\pm 2\%</math>            Hình dạng: trụ hình tròn            Tính năng dùng một lần            Khoảng chia độ 0,1 mL            Độ chia vạch âm 3 mL            Các vạch chia nhỏ được mã hòa bằng màu để đọc            Được xử lý vô trùng            Đóng gói riêng từng cây bằng giấy nhựa cho phép dễ bóc tách            Chiều dài 344 mm            Chất liệu: Polystyrene</p>	200 cây/ Thùng	Cây	400
190	Pipet nhựa 5ml	<p>Thể tích sử dụng: 5 mL            Độ chính xác trong khoảng <math>\pm 2\%</math>            Hình dạng: trụ hình tròn            Tính năng dùng một lần            Khoảng chia độ 0,1 mL            Độ chia vạch âm 2,5 mL            Các vạch chia nhỏ được mã hòa bằng màu để đọc            Được xử lý vô trùng            Đóng gói riêng từng cây bằng giấy nhựa cho phép dễ bóc tách            Chiều dài 348 mm)            Chất liệu: Polystyrene</p>	200 cây/ Thùng	Cây	250
191	Pipet nhựa vô trùng 25ml	<p>Thể tích 25ml            Vật liệu Polystyren.            Đã khử trùng và đóng gói riêng từng cái đảm bảo tránh nhiễm khuẩn trong quá trình bảo quản            DNase/RNase Free, không chứa nội độc tố gây sốt.            Có vạch chia thể tích, độ chính xác cao.            Sử dụng cho nuôi cấy tế bào</p>	Cái	Cái	50

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Sản phẩm đã được hiệu chuẩn trước khi đưa vào sử dụng, hút không tạo bọt khí (TD-EX 20°C)			
192	Pipette Pasteur nhựa vô trùng		500 cái/hộp	Hộp	2
193	Kit Platinum® Quantitative PCR SuperMix-UDG hoặc tương đương	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cho phép thực hiện phản ứng ở nhiệt độ phòng</li> <li>• Dễ sử dụng - chỉ cần thêm mẫu và môi fluorogenic hoặc đầu dò để phát hiện</li> <li>• Bao gồm một lọ MgCl<sub>2</sub> 50 mM để chứa nhiều loại môi / hệ thống PCR mẫu</li> <li>• Tương thích với hệ máy: 7500 System, BioRad iCycler iQ, BioRad iQ5, Stratagene Mx4000, MJ Chromo4, MJ Opticon, Stratagene Mx3000P, Stratagene Mx3005P, Cepheid SmartCycler, BioRad MyiQ,.....</li> </ul>	500 phản ứng/bộ	Bộ	2
194	Enzyme Platinum Taq DNA Polymerase hoặc tương đương		120 test/hộp	Hộp	1
195	Pop7 for 3130	<p>Accuracy</p> <p>98.5% up to 950 bases (for 80 cm capillary), 98.5% up to 500 bases (for 36 cm capillary)</p> <p>Additional Information</p> <p>98.5% upto 500 bases (for 36cm capillary), 98.5% upto 950 bases (for 80cm capillary)</p> <p>accuracy, Stability on instrument 7 days, Up to 960 samples/7mL polymerase</p> <p>For Use With (Application) Opticon, Fragment Analysis, Sequencing Mx</p> <p>For Use With (Equipment) MyiQ</p> <p>3130xl Genetic Analyzer, 3130 Genetic Analyzer</p>	Chai 5 ml	Chai	2
196	POP-7 for 3130, 7ml		7ml/ lọ	Lọ	1
197	Primer các loại	<p>Nồng độ tổng hợp: 100nmol</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nồng độ môi tối thiểu: 3 ODs</li> <li>- Môi cung cấp dưới dạng tinh sạch khử muối và được làm đông khô.</li> <li>- Chiều dài có thể tổng hợp 15-60 base (tiêu chuẩn 25 base/ống)</li> </ul> <p>Primer được tổng hợp theo trình tự yêu cầu,</p>	Nu	Nu	2075

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		sử dụng trong sinh học phân tử - Các primer được deprotected và khử muối bằng để loại bỏ các tạp chất phân tử nhỏ - Được kiểm soát độ sạch và định lượng phương pháp khối phổ ESI và đo quang phổ UV			
198	Primer cúm A - Forward	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
199	Primer cúm A - Reverse	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
200	Primer cúm B - Forward	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
201	Primer cúm B - Reverse	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
202	Primer cúm H3 - Forward	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
203	Primer cúm H3 - Reverse	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
204	Primer MBXV F3L Lower	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
205	Primer MBXV F3L upper	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
206	Primer MKP-USCDC Forward	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
207	Primer MKP-USCDC Reverse	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
208	Primer VZV - Forward	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
209	Primer VZV Reverse	Primer Custom DNA oligo Lượng tổng hợp: 100 nmol Purification: desalted Đông khô	Tube	Tube	1
210	Probe các loại	PrimeTime™ qPCR Probe là đầu dò 5' nuclease, được thiết kế theo trình tự mong muốn *Đầu dò qPCR PrimeTime được xác định bằng khối phổ ESI* và được tinh sạch bằng dual HPLC. *Đầu dò PrimeTime® qPCR là các oligonucleotit không thể mở rộng, được đánh dấu bằng reporter huỳnh quang 5' và Quencher 3', được cấp phép để sử dụng trong các xét nghiệm qPCR 5' nuclease Chọn từ nhiều loại reporter, bao gồm: FAM, Yakima Yellow®, SUN™, HEX, Cy® 3, Texas Red®-X và Cy® 5, TET, JOE, MAX, TYE... • Giảm tín hiệu nền, ngay cả với các đầu dò dài hơn, khi sử dụng Đầu dò kép làm mở	Tube	Tube	12

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		ZEN™ hoặc TAO™ <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đạt được hiệu quả cao của qPCR trong điều kiện chu kỳ nhanh hoặc tiêu chuẩn</li> <li>• Đầu dò qPCR được xác định bằng khối phổ ESI* và được tinh sạch bằng dual HPLC</li> <li>*Nồng độ tối thiểu có thể đạt từ 2 - 15 nmol tùy thuộc vào đặc tính từng cặp Reporter và Quencher, Nồng độ tổng hợp 100nmol</li> </ul>			
211	Probe cúm A	Lượng tổng hợp đầu vào: 200 nmol/ Ống; Tinh sạch: Dual HPLC	Tube	Tube	1
212	Probe cúm B	Lượng tổng hợp đầu vào: 200 nmol/Ống; Tinh sạch: Dual HPLC	Tube	Tube	1
213	Probe cúm H3	Lượng tổng hợp đầu vào: 200 nmol/ Ống; Tinh sạch: Dual HPLC	Tube	Tube	1
214	Probe đặc biệt	*PrimeTime™ qPCR Probe là đầu dò 5' nuclease, được thiết kế theo trình tự mong muốn *Đầu dò qPCR PrimeTime được xác định bằng khối phổ ESI* và được tinh sạch bằng dual HPLC *Đầu dò PrimeTime® qPCR là các oligonucleotit không thể mở rộng, được đánh dấu bằng reporter huỳnh quang 5' và Quencher 3', được cấp phép để sử dụng trong các xét nghiệm qPCR 5' nuclease *Nồng độ tổng hợp 250nmol, nồng độ tối thiểu có thể đạt 8 nmol sử dụng để khuếch đại DNA định lượng theo thời gian thực, có độ đặc hiệu cao, có chứa UDG Hệ thống được tối ưu hóa để mang lại hiệu suất vượt trội với LUX™ Fluorogenic Primers hoặc hệ thống phát hiện dựa trên đầu dò.	tube	tube	1
215	Protein kháng nguyên Yersinia pestis F1 tái tổ hợp (His tag)	Kháng nguyên Y.pestis tái tổ hợp gắn His, dạng đông khô, tinh khiết >90%, nồng độ 50ug	Tube	Tube	1
216	Prove MBXV F3L	Lượng tổng hợp đầu vào: 200 nmol/ Ống; Tinh sạch: Dual HPLC	Tube	Tube	1
217	Prove MKP-USCDC	Lượng tổng hợp đầu vào: 200 nmol/ Ống; Tinh sạch: Dual HPLC	Tube	Tube	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
218	Prove VZV USCDC	Lượng tổng hợp đầu vào: 200 nmol/ Ống; Tinh sạch: Dual HPLC	Tube	Tube	1
219	Kit tách chiết DNA	- Ly trích và thu nhận DNA từ mẫu máu, huyết thanh, plasma, dịch cơ thể không chứa tế bào. - Sản phẩm ly trích DNA phải đạt độ tinh sạch cao và không chứa chất ức chế quá trình PCR. Kit tách chiết dựa trên phương pháp cột silica, không dùng tách chiết hữu cơ và tủa còn	Bộ 50 test	Bộ	1
220	Qubit tubes hoặc tương đương	Chất liệu Polypropylene, thể tích ống 500 µl, túi 500 ống	Bộ	Bộ	2
221	Hóa chất định lượng DNA sợi đôi (dsDNA)	Hóa chất định lượng DNA sợi đôi (dsDNA) so với RNA và cho phép phát hiện chính xác nồng độ mẫu ban đầu từ 10 pg/µl đến 100 ng/µl. Bao gồm: Hóa chất thử ở dạng đậm đặc, đệm pha loãng, và DNA chuẩn pha sẵn Dài định lượng: 0.2 - 100 ng. Thể tích DNA đầu vào: 1 - 20 µl Số lượng: 100 phản ứng Bảo quản: 2-8°C tránh ánh sáng Điều kiện vận chuyển: Nhiệt độ phòng	Bộ	Bộ	1
222	Que cấy 10 ul	Que cấy thể tích 10µl được làm từ Polystyrene dùng trong vi sinh. Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma - Đóng gói: Thùng/1000 cái - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA	Thùng/100 0 cái 25 cái/túi, 40 túi/hộp	Gói	85
223	Que cấy 1ul	Que cấy thể tích 1µl được làm từ Polystyrene dùng trong vi sinh. Đã được tiệt trùng bằng tia Gamma - Đóng gói: Thùng/1000 cái - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA	Thùng/100 0 cái 25 cái/túi, 40 túi/hộp	Gói	100
224	Que gòn lấy mẫu	Tên sản phẩm: Tăm bông lấy mẫu tiệt trùng - Chất liệu: Ống nhựa PP, nắp nhựa HDPE, đầu bông, que nhựa (gỗ) - Cân nặng: 5g - Kích thước: ống 12*150mm - Độ dày: 0.2mm - Màu sắc: Ống trong suốt, nắp màu đỏ - Sức chứa của mẫu vật: 0.15ml - Tiệt trùng: công nghệ EO - Thời gian sử dụng: 3	Cái	Cái	300

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		năm - Lưu trữ: 4-30 độ C - Chứng chỉ: ISO13485, CE			
225	Que gòn lấy mẫu	Que gòn vô trùng, dùng lấy mẫu	Cái	Cái	2000
226	Que ngoáy họng bằng sợi tổng hợp		100 cái/gói	Gói	1
227	Que ngoáy ty hầu bằng sợi tổng hợp	Tấm bông lấy mẫu gồm 2 phần: Đầu tip Flocked Nylon + thân nhựa ABS - Chiều dài tấm bông: 150±2mm - Đầu thu mẫu dài 20±2mm - Đường kính đầu bông: 5mm - Khoảng cách từ đầu que đến khắc bẻ 30mm - Không chứa DNase, RNase, DNA người, chất ức chế PCR - Tiệt trùng từng cái, hạn dùng: 2 năm - Đạt chứng nhận ISO 13485, CE	Cái	Cái	300
228	Que/khoanh thử Oxydase	Thử nghiệm nhanh để phát hiện hoạt tính của enzyme cytochrome oxidase - Thành phần: Mỗi que được tẩm dung dịch N, N, N', N'-tetramethyl-p-phenylenediamine dihydrochloride. - Bảo quản: 2-8°C - Đóng gói: Hộp/50 test - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Hộp/50 test	Hộp	3
229	Recombinant Rnasin Rnase Inhibitor		10.000U/hộp	Hộp	2
230	Recombinant Rnasin Rnase Inhibitor		1.000 U/bộ	Bộ	1
231	Rubella IgM(96test)	Kit elisa phát hiện kháng thể IgM Rubella của người • Độ nhạy : 98.5% • Độ đặc hiệu: >99% • Thành phần: 1 plate nhựa 96 giếng rời gắn kháng nguyên Rubella 2 lọ x 2ml chứng chuẩn 1 lọ x 2ml chứng âm 1 lọ x 13 ml cộng hợp	Hộp	Hộp	5



TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		1 lọ nước rửa đậm đặc : 33.3ml 2 lọ x 50ml dung dịch pha loãng 1 lọ dung dịch cơ chất : 13ml 1 lọ dung dịch dừng phản ứng : 15ml Bảo quản 2-8oc			
232	Sephadex G-50		50gr/ hộp	Hộp	1
233	Sodium Bicarbonate 7.5% solution	Nồng độ: 7.5% Đã lọc vô trùng Tên hóa học: Natri Bicacbonat Hình thức: Chất lỏng Sử dụng trong nuôi cấy tế bào pH: 8,3	100 mL/ Chai	Chai	3
234	Sởi IgM(96test)	Kit elisa phát hiện kháng thể IgM Sởi của người • Độ nhạy : 95.4% • Độ đặc hiệu : >99% • Thành phần: 1 plate nhựa 96 giếng rời gắn kháng nguyên Sởi 2 lọ x 2ml chứng chuẩn 1 lọ x 2ml chứng âm 1 lọ x 13 ml cộng hợp 1 lọ nước rửa đậm đặc : 33.3ml 2 lọ x 50ml dung dịch pha loãng 1 lọ dung dịch cơ chất : 13ml 1 lọ dung dịch dừng phản ứng : 15ml Bảo quản 2-8oc	Hộp	Hộp	5
235	Sterile Syringe filter 0.22 um	PTFE 13mm, tiệt trùng 0.22 um	Cái	Cái	50
236	Strip 8 giếng 0.1 ml cho Realtime PCR (tube)	Ống PCR 0.1ml, dây strip gồm 8 ống, nắp phẳng màu trong, tương thích với nhiều máy PCR. Thể tích từ 5–125 µl (tối đa 200 µl) Ống PCR được sản xuất từ nhựa polypropylene nguyên chất. - Chiều cao tổng thể thấp (15,48 mm) làm giảm sự ngưng tụ - Lý tưởng cho PCR nhanh, phản ứng khối lượng thấp và hệ thống real-time PCR - Không chứa DNase, Rnase và DNA người	8strips/gói , 15 gói/hộp, 10 hộp/ thùng	Hộp	2

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		- Không tiệt trùng và có thể tiệt trùng. - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE			
237	Strip 8 well cho realtime PCR 0.1mL và Nắp strip 8 well cho realtime PCR	- Vô trùng và Không nhiễm DNA, RNA. Không chứa Rnase/DNase - Tương thích với dòng máy realtime QuantStudio™ 5 Real-Time PCR System - Chịu được nhiệt độ từ -20oC đến 120oC Chất liệu bằng Polypropylene	Strip +cap	Strip +cap	50
238	SuperScript® III Reverse Transcriptase		10.000U/hộp	Hộp	1
239	Surfanios	Vệ sinh bề mặt bàn thí nghiệm	Chai	Chai	2
240	TaqMan Universal PCR master Mix hoặc tương đương	Chứa AmpliTaq Gold DNA Polymerase để cung cấp năng suất tốt hơn và xét nghiệm 5 'nuclease mạnh mẽ hơn so với AmpliTaq DNA Polymerase	Hộp (400 test)	Hộp	1
241	Thang DNA 100 bp DNA (50 ug) Ladder	Ladder sử dụng trong điện di DNA trên gel Agarose. - Gồm 10 băng sáng tương đương với các kích thước: 1000, 900, 800, 700, 600, 500, 400, 300, 200, 100 bp - Băng tham chiếu: 500 bp - Nồng độ: 0.5 µg/µl	Bộ/250ul	Bộ	5
242	Thang 1kb DNA Ladder		250µg/ bộ	Bộ	1
243	Thuốc thử BCP	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần BCP	Hộp/1 lọ	Hộp	1
244	Thuốc thử dùng định danh NIT1 và NIT2	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần: NIT1 Sulfanilic acid 0.4 g Acetic acid 30 g H2O 70 mL; NIT2 N,N-dimethyl-1-naphthylamine 0.6 g Acetic acid 30 g H2O 70 mL	Hộp/2x2 lọ	Hộp	1
245	Thuốc thử HER	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần HER.	Hộp/1 lọ	Hộp	1
246	Thuốc thử Jame	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần: R1: HCl 1N 100 mL R2: Compound J 2183 0.66 g	Hộp/2 lọ	Hộp	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
247	Thuốc thử TDA	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thuốc thử sinh hóa cho bộ định danh API 20E, API 50 CH, API 50 CHB/E	Hộp/2 lọ	Hộp	1
248	Thuốc thử VP1 VP 2	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thuốc thử VP1 VP 2 - Thành phần:VP2 ( D-naphthol 6 g; Ethanol 100 mL); VP1 (Potassium hydroxide 40 g, H2O 100 mL)	Hộp/2x2 lọ	Hộp	1
249	Thuốc thử XYL	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần XYL	Hộp/1 lọ	Hộp	1
250	Thuốc thử ZymA	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần: R1: HCl 1N 100 mL R2: Compound J 2183 0.66g	Hộp/2x1 lọ	Hộp	1
251	Thuốc thử ZymB	Thuốc thử sinh hóa định danh vi khuẩn - Thành phần: R1: HCl 1N 100 mL R2: Compound J 2183 (confidential) 0.66g	Hộp/2x1 lọ	Hộp	1
252	Trypsin-EDTA 1X		100ml/ chai	Chai	1
253	Tube Cryotube 1,8ml	Nắp vận ngoài: ren vận ngoài của thân ống vừa khớp với ren vận trong của nắp ở dạng xoắn Đáy có chân tự đứng Đóng gói trong túi zip-lock có thể mở đóng lại được. Không có vòng đệm silico Thể tích tối đa: 2 mL Kích thước: 13,1 x 45,5 mm; - Bảo quản mẫu trong nitơ lỏng; Chất liệu polypropylene; - Độ bền cao và rõ ràng; - Ống phù hợp với hầu hết các rotor; - Hấp khử trùng ở 121oC và trữ đông ở -190oC; - Các ống có nắp vận và được khử trùng bằng chiếu xạ tia gamma.	500 cái / gói	Gói	3
254	Tube eppendorff 1.5 ml có nắp	Ống ly tâm 1.5ml siêu trong - Được sản xuất từ Polypropylene chất lượng cao	500 cái / gói	Gói	29

VIỆN  
ASTEUR  
ĐỒ CHÍ MINH

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các điểm chia độ chính xác: 0.1ml, 0.5ml, 1.0ml và 1.5ml.</li> <li>- Đỉnh bằng phẳng và có vùng viết trên thân ống để dán nhãn.</li> <li>- Chịu lực ly tâm lên đến 18,000 RCF.</li> <li>- Tất cả các ống có bề mặt ma sát thấp.</li> <li>Không có DNase, RNase, DNA người có thể phát hiện được</li> <li>Không sinh nhiệt</li> <li>Kháng hóa chất và nhiệt độ cao</li> <li>Chống bật cao trong quá trình gia nhiệt</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE</li> </ul>			
255	Tube lưu mẫu 2 ml		500 cái / thùng	thùng	3
256	Tube ly tâm 15 ml	<p>Ống Polypropylene, đáy hình nón, tự nhiên</p> <p>Không có DNase, RNase, DNA người có thể phát hiện được</p> <p>Không sinh nhiệt, không độc tế bào</p> <p>Đường kính: 17 mm; chiều cao: 120 mm</p> <p>Thể tích: 15 ml</p> <p>Vô trùng</p> <p>Có vạch chia nhỏ 0,5 mL rõ ràng, dễ đọc.</p> <p>Tube trong suốt, dễ nhìn dung dịch bên trong.</p>	100 cái / gói	Cái	2800
257	Tube ly tâm 50 ml	<p>Ống Polypropylene, đáy hình nón, tự nhiên</p> <p>Không có DNase, RNase, DNA người có thể phát hiện được</p> <p>Không sinh nhiệt, không độc tế bào</p> <p>Đường kính: 30 mm; chiều cao: 115 mm</p> <p>Thể tích: 50 ml</p> <p>Vô trùng</p> <p>Có vạch chia nhỏ 5 mL rõ ràng, dễ đọc.</p> <p>Tube trong suốt, dễ nhìn dung dịch bên trong</p>	20 cái / gói	cái	700
258	Tube nuôi cấy tế bào		500 cái / thùng	Thùng	1
259	Tube PCR nắp phẳng 0.1 mL có nắp	<p>Ống PCR 0.1ml, nắp phẳng màu trong, tương thích với nhiều máy PCR.</p> <p>Thể tích từ 5–125 <math>\mu</math>l (tối đa 200 <math>\mu</math>l)</p> <p>Ống PCR được sản xuất từ nhựa polypropylene nguyên chất.</p> <p>- Chiều cao tổng thể thấp (15,48 mm) làm giảm sự ngưng tụ</p>	Gói	Gói	1

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý tưởng cho PCR nhanh, phản ứng khối lượng thấp và hệ thống real-time PCR</li> <li>- Không chứa DNase, Rnase và DNA người</li> <li>- Không tiết trùng và có thể tiết trùng</li> </ul> Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE			
260	Tube PCR nắp phẳng 0.2ml	Ống PCR 0.2ml với nắp phẳng, màu trong Đóng gói: 1000 cái/túi, 10 túi/thùng <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được sản xuất từ nhựa polypropylene tinh khiết</li> <li>- Được thiết kế để phù hợp tối ưu trong tất cả các máy chu trình nhiệt thường được sử dụng.</li> <li>- Thành siêu mỏng cho phép truyền nhiệt chính xác.</li> <li>- Nắp phẳng và mờ để dán nhãn.</li> <li>- Không tiết trùng và có thể khử trùng.</li> <li>- Không chứa DNase và Rnase.</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE</li> </ul>	1000 cái/gói, 10 gói/thùng	Gói	7
261	Tube PCR nắp phẳng 0.5ml	Ống PCR 0.2ml với nắp phẳng, màu trong Đóng gói: 1000 cái/túi, 10 túi/thùng <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được sản xuất từ nhựa polypropylene tinh khiết</li> <li>- Được thiết kế để phù hợp tối ưu trong tất cả các máy chu trình nhiệt thường được sử dụng.</li> <li>- Thành siêu mỏng cho phép truyền nhiệt chính xác.</li> <li>- Nắp phẳng và mờ để dán nhãn.</li> <li>- Không tiết trùng và có thể khử trùng.</li> <li>- Không chứa DNase và Rnase.</li> <li>- Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE</li> </ul>	1000 cái/túi, 10 túi/thùng	Túi	1
262	Tube pha loãng nhựa vô trùng 4.5ml		1000 cái/ thùng	thùng	1
263	Tube thủy tinh phi 12	Tube thủy tinh trong, phi 12	Ống	Ống	100
264	Túi ủ kỵ khí	Tạo môi trường kỵ khí cấy vi khuẩn	Gói 10 cái	Gói	1
265	Túi ủ vi hiếu khí	Tạo môi trường vi hiếu khí cấy vi khuẩn	Gói 10 cái	Gói	1
266	Viên presept	Viên 2.5 g chứa Natri Dichloroisocyanutrale (hay Trodosene sodium) 50%.	100v/hộp	Hộp	10

TT	Nội dung cầu	Đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
267	Cloramin B	Dung dịch sát khuẩn dạng bột, Cloramin B 25%	Kg	Kg	400

- Hồ sơ báo giá gồm:
- + Báo giá theo mẫu phụ lục kèm theo
- + Tài liệu liên quan: bao gồm hồ sơ kỹ thuật, các hồ sơ pháp lý của sản phẩm (nếu có yêu cầu)
- Thời gian nhận báo giá: trước ngày 26/11/2022
- Hình thức gửi:
- + Bản chính Hồ sơ báo giá được gửi về Bộ phận văn thư – Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur Phường Võ Thị Sáu Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.
- File mềm được gửi đến địa chỉ email: ptquynhpas@gmail.com
- Mọi chi tiết xin liên hệ: chị Phan Thu Quỳnh – phòng Kế hoạch tổng hợp, số điện thoại 0989.597.584

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Trưởng phòng KHTH (để b/c);
- Phòng HCQT (CNTT) để thực hiện;
- Lưu: VT, KHTH.

**TL. VIỆN TRƯỞNG**  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTH**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHTH**  
 VIỆN  
 PASTEUR  
 TP. HỒ CHÍ MINH  
  
**Phạm Duy Quang**



Phụ lục

**MẪU BẢNG BÁO GIÁ**

(Kèm theo Công văn số 4668/PAS-KHTH ngày 24/11/2022 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên công ty:

Địa chỉ:

Tên người liên hệ: - Số điện thoại liên hệ: - Email:

**BẢNG BÁO GIÁ**

\_\_\_\_, Ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**Kính gửi: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi là \_\_\_\_ [Ghi tên công ty] xin gửi tới Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh bảng chào giá \_\_\_\_ [Ghi tính chất danh mục báo giá] như sau:

TT	Tên hàng hóa Viện yêu cầu	Tên thương mại hàng hóa nhà thầu chào	Mã hàng	ĐVT	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Hạn dùng (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền
Tổng cộng (VNĐ, có VAT)											

**Ghi chú:**

- Hàng mới 100%; [đối với tài sản hàng hóa]
- Thời gian thực hiện: [Ghi rõ thời gian cung ứng, thực hiện]
- Phương thức thanh toán: [Ghi rõ phương thức thanh toán]
- Hiệu lực báo giá: [ghi rõ báo giá có hiệu lực đến thời điểm nào]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ**

[ghi tên, ký tên và đóng dấu]